

Dự thảo

**ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2025**

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 và Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 như sau:

Phần I

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
 - Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
 - Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025.

4. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC.

5. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

Hiện nay, hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin ngày càng phát triển, tạo khả năng kết nối hiệu quả giữa chính quyền và người dân, cộng đồng doanh nghiệp; tỉnh Đồng Nai đang đẩy mạnh thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, đô thị thông minh; do đó, về địa lý và ranh giới địa giới giữa các ĐVHC không còn bị hạn chế, khó khăn diện tích tự nhiên và quy mô dân số lớn. Vì vậy, tổ chức hợp lý, hướng đến ổn định lâu dài của ĐVHC các cấp có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương, phát huy được những tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương, khu vực.

Số lượng ĐVHC cấp xã nhiều và có quy mô nhỏ đã phát sinh những bất cập, làm phân tán các nguồn lực, tiềm năng của các địa phương cho phát triển, làm tăng số lượng các cơ quan quản lý, cơ quan đảng, đoàn thể, tăng số lượng biên chế cán bộ, công chức,... dẫn đến tăng chi ngân sách nhà nước do tăng biên chế và quỹ tiền lương, xây dựng trụ sở, mua sắm trang thiết bị làm việc và tăng chi thường xuyên; đồng thời, cũng gây ra nhiều khó khăn trong công tác lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn, định hướng phát triển của địa phương, phân tán các nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội; nhất là trong điều kiện Trung ương đang đẩy mạnh phân cấp, trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương.

Sắp xếp ĐVHC giúp tập trung nguồn lực để xây dựng bộ máy hành chính mạnh hơn, đủ năng lực giải quyết các vấn đề phức tạp hơn. Việc quản lý trên địa bàn lớn hơn tạo điều kiện thuận lợi cho việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đô thị, nông thôn một cách thống nhất, đồng bộ và hiệu quả. Bộ máy hành chính được củng cố, chuyên nghiệp hơn sẽ cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã tạo ra không gian phát triển lớn hơn, thuận lợi cho việc quy hoạch các khu công nghiệp, khu đô thị, vùng sản xuất tập trung; ĐVHC có quy mô lớn hơn, tiềm năng phát triển rõ ràng hơn sẽ hấp dẫn các nhà đầu tư; các ĐVHC lớn hơn có khả năng liên kết, hợp tác với các địa phương lân

cận để phát triển kinh tế - xã hội theo hướng liên vùng; quy hoạch và phát triển tập trung hơn tạo điều kiện cho việc tái cơ cấu kinh tế, chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

Trong bối cảnh bộ máy nhà nước đang đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số thì nhiều hoạt động hành chính truyền thống đã được số hóa và triển khai thực hiện trên môi trường mạng. Chuyển đổi số gắn với chuyển đổi quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào ranh giới địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Đồng thời, việc tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính giúp đơn giản hóa trình tự, thủ tục thực hiện công việc của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần tăng năng suất và hiệu quả công việc.

Kế thừa kết quả sắp xếp ĐVHC cấp giai đoạn 2023 – 2025 của tỉnh Đồng Nai và thực hiện Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong đó yêu cầu *“Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số ĐVHC cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, **sáp nhập một số ĐVHC cấp xã**; thực hiện mô hình địa phương 02 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể), bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”*. Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025 (tiêu chuẩn diện tích tự nhiên đối với xã bằng từ 30 km² trở lên, phường từ 5,5km² trở lên; tiêu chuẩn quy mô dân số đối với xã từ 16.000 người trở lên, phường 21.000 người trở lên).

Căn cứ vào các Kết luận, định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định tiêu chuẩn ĐVHC cấp xã về xây dựng chính quyền 02 cấp theo phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giảm khoảng 60% đến 70% số lượng đơn vị hành chính cấp xã so với hiện nay. Việc sắp xếp nhằm thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và các văn bản pháp luật của Nhà nước về sắp xếp ĐVHC, đảm bảo các ĐVHC đáp ứng các tiêu chuẩn về diện tích và dân số.

Từ các căn cứ nêu trên, để tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW, Kết luận số 126-KL/TW, Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nhằm đáp ứng yêu cầu tình hình mới của đất nước thì việc xây dựng *“Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai”* là cần thiết.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Tỉnh Đồng Nai:

1.1. Diện tích tự nhiên: 5.863,62 (km²)

1.2. Quy mô dân số: 3.084.024 (người)

1.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện gồm 11 đơn vị, trong đó:

- Huyện: 09 đơn vị (Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Định Quán, Tân Phú và Vĩnh Cửu).

- Thành phố: 02 đơn vị (Long Khánh và Biên Hòa).

1.4. Số lượng ĐVHC cấp xã gồm 159 đơn vị, trong đó:

- Phường: 33 đơn vị

- Thị trấn: 09 đơn vị

- Xã: 117 đơn vị

(Số liệu về diện tích tự nhiên, quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024)

2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp: 159 đơn vị

3. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp:

Tổng số: 04 đơn vị, trong đó:

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã đủ tiêu chuẩn không phải thực hiện sắp xếp: 02 đơn vị.

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù:

a) Số lượng: 02 đơn vị

b) Giải trình yếu tố đặc thù:

- Xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu có diện tích rộng lớn chủ yếu là đất rừng, nằm biệt lập với các đơn vị hành chính liền kề có vị trí tiếp giáp với đơn vị hành chính thuộc tỉnh khác; hệ thống giao thông có khoảng cách xa với trung tâm hành chính khác liền kề.

- Xã Thanh Sơn, huyện Định Quán có vị trí biệt lập, chủ yếu là đất rừng.

Phần III**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH ĐỒNG NAI****I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**

1. Thành lập phường Biên Hòa trên cơ sở nhập toàn bộ phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 6,09 km² đạt 110,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.189 người đạt 53,28% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Hóa An, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 6,83 km² đạt 124,18% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 23.598 người đạt 112,37% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 4,18 km² đạt 76,00% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 23.315 người đạt 111,02% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 4,36 km² đạt 79,27% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 16.817 người đạt 80,08% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Biên Hòa có diện tích tự nhiên là 21,46 km² (đạt 390,18% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 74.919 người (đạt 356,76% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Bửu Long, phường Quang Vinh, phường Trung Dũng, phường Hiệp Hòa, phường An Bình (thành phố Biên Hòa); tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND phường Hóa An .

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Tân Vạn có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn; phường Tân Hạnh có quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn; phường Bửu Hòa có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

2. Thành lập phường Trăn Biên trên cơ sở nhập toàn bộ phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 5,81 km² đạt 105,64% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 27.779 người đạt 132,28% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 1,75 km² đạt 31,82% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 31.963 người đạt 152,20% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 2,59 km² đạt 47,09% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 50.217 người đạt 239,13% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 3,42 km² đạt 62,18% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 26.213 người đạt 124,82% so với tiêu chuẩn); phường

Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 7,04 km² đạt 128,00% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.387 người đạt 68,51% so với tiêu chuẩn) và phường An Bình, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 10,39 km² đạt 188,91% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 46.501 người đạt 221,43% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Trấn Biên có diện tích tự nhiên là 31,00 km² (đạt 563,64% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 197.060 người (đạt 938,38% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kê: phường Tân Hạnh, phường Hóa An, phường Bửu Hòa, phường Tân Vạn, phường Long Bình Tân, phường Long Bình, phường Bình Đa, phường Tam Hiệp, phường Tân Mai, phường Tân Phong (thành phố Biên Hòa); xã Tân Bình (huyện Vĩnh Cửu); tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở Thành ủy Biên Hòa .

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Quang Vinh, phường Trung Dũng, phường Thống Nhất có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn; phường Hiệp Hòa có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

3. Thành lập phường Tam Hiệp trên cơ sở nhập toàn bộ phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 3,47 km² đạt 63,09% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 27.083 người đạt 128,97% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 2,68 km² đạt 48,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 40.320 người đạt 192,00% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 2,17 km² đạt 39,45% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 33.876 người đạt 161,31% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 2,49 km² đạt 45,27% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 38.162 người đạt 181,72% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Tam Hiệp có diện tích tự nhiên là 10,81 km² (đạt 196,55% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 139.441 người (đạt 664,00% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kê: phường Tân phong, phường Trung Dũng, phường Thống Nhất, phường Hiệp Hòa, phường An Bình, phường Long Bình, phường Hồ Nai, phường Trảng Dài (thành phố Biên Hòa).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND phường Tam Hiệp.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Tam Hiệp, phường Bình Đa có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

4. Thành lập phường Long Bình trên cơ sở nhập toàn bộ phường Long Bình, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 34,91 km² đạt 634,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 71.709 người đạt 341,47% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 3,88 km² đạt 70,55% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 47.892 người đạt 228,06% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 6,12 km² đạt 111,27% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 49.013 người đạt 233,40% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Long Bình có diện tích tự nhiên là 44,91 km² (đạt 816,55% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 168.614 người (đạt 802,92% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Tân Hòa, phường Trảng Dài, phường Tân Hiệp, phường Bình Đa, phường An Bình, phường Long Bình Tân, (thành phố Biên Hòa); xã Hồ Nai 3 (huyện Trảng Bom).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND phường Long Bình.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Hồ Nai có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

5. Thành lập phường Trảng Dài trên cơ sở nhập toàn bộ xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 22,83 km² (đạt 76,10% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 6.108 người (đạt 38,18% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa có diện tích tự nhiên là 14,46 km² (đạt 262,91% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 98.864 người (đạt 470,78% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Trảng Dài có diện tích tự nhiên là 37,29 km² (đạt 678,00% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 104.972 người (đạt 499,87% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Tân Phong, phường Tân Mai, phường Tân Hiệp, phường Hồ Nai, phường Tân Hòa (thành phố Biên Hòa); xã Hồ Nai 3 (huyện Trảng Bom); xã Tân An (huyện Vĩnh Cửu) và tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND phường Trảng Dài

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Thiện Tân có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

6. Thành lập phường Hồ Nai trên cơ sở nhập toàn bộ phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 3,94 km² đạt 71,64% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 43.022 người đạt 204,87% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom (có diện tích tự nhiên là 18,91 km² đạt 63,03% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 35.880 người đạt 224,25% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Hồ Nai có diện tích tự nhiên là 22,85 km² (đạt 415,45% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 78.902 người (đạt 375,72% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Tân Biên, phường Long Bình, phường Phước Tân (thành phố Biên Hòa); xã Bắc Sơn (huyện Trảng Bom); xã Tân An, xã Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND phường Tân Hòa.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Hồ Nai 3 có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

7. Thành lập phường Long Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 11,58 km² đạt 210,55% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 44.926 người đạt 213,93% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 11,62 km² đạt 38,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 7.196 người đạt 44,98% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường An Hòa, thành phố Biên Hòa (có diện tích tự nhiên là 9,20 km² đạt 167,27% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 22.062 người đạt 105,06% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Long Hưng có diện tích tự nhiên là 32,40 km² (đạt 589,09% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 74.184 người (đạt 353,26% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Tân Vạn, phường An Bình, phường Long Bình, phường Phước Tân, phường Tam Phước (thành phố Biên Hòa); thành phố Hồ Chí Minh; tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Long Hưng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Long Hưng có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

8. Thành lập xã Đại Phước trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 21,74 km² đạt 72,47% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.096 người đạt 88,10% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 22,12 km² đạt 73,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.562 người đạt 91,01% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 16,59 km² đạt 55,30% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 12.065 người đạt 75,41% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 37,57 km² đạt 125,23% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.641 người đạt 91,51% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Đại Phước có diện tích tự nhiên là 98,02 km² (đạt 326,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 55.364 người (đạt 346,03% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Vĩnh Thanh, xã Phú Thạnh, xã Long Tân (huyện Nhơn Trạch); thành phố Hồ Chí Minh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Phú Đông.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Phú Hữu, xã Phú Đông, xã Đại Phước có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Phước Khánh có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

9. Thành lập xã Nhơn Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 17,50 km² đạt 58,33% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 12.430 người đạt 77,69% so với tiêu chuẩn); xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 35,70 km² đạt 119,00% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.615 người đạt 72,59% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 19,07 km² đạt 63,57% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.845 người đạt 67,78% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 17,02 km² đạt 56,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 20.984 người đạt 131,15% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 18,75 km² đạt 62,50% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 22.715 người đạt 141,97% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Nhơn Trạch có diện tích tự nhiên là 108,04 km² (đạt 360,13% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 78.589 người (đạt 491,18% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Đại Phước, xã Phú Đông, xã Vĩnh Thanh, xã Phước An, xã Long Thọ (huyện Nhơn Trạch); xã Long An, xã Long Phước, xã thị trấn Long Thành, xã An Phước, xã Tam An (huyện Long Thành); thành phố Hồ Chí Minh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Nhơn Trạch.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Phú Thạnh, xã Phú Hội có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Long Tân có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Phước Thiện, thị trấn Hiệp Phước có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

10. Thành lập xã Phước An trên cơ sở nhập toàn bộ xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 33,26 km² đạt 110,87% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 25.569 người đạt 159,81% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 23,81 km² đạt 79,37% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 13.928 người đạt 87,05% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Phước An, huyện Nhơn Trạch (có diện tích tự nhiên là 113,65 km² đạt 378,83% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.591 người đạt 72,44% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phước An có diện tích tự nhiên là 170,72 km² (đạt 569,07% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 51.088 người (đạt 319,30% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thị trấn Hiệp Phước, xã Long Tân, xã Phú Thạnh, xã Đại Phước, xã Phú Đông, xã Phước Khánh, (huyện Nhơn Trạch); xã Long An, xã Long Phước, xã Phước Thái (huyện Long Thành); thành phố Hồ Chí Minh; tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Phước An.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Long Thọ có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Phước An có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

11. Thành lập xã Phước Thái trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phước Bình, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 36,69 km² đạt 122,30% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.666 người đạt 91,66% so với tiêu chuẩn); toàn bộ

xã Phước Thái, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 17,89 km² đạt 59,63% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 27.203 người đạt 170,02% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Tân Hiệp, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 31,28 km² đạt 104,27% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.045 người đạt 87,78% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phước Thái có diện tích tự nhiên là 85,86 km² (đạt 286,20% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 55.914 người (đạt 349,46% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Bàu Cạn, xã Long Phước (huyện Long Thành); xã Phước An (huyện Nhơn Trạch); tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Phước Thái.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Tân Hiệp, xã Phước Bình có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Phước Thái có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

12. Thành lập xã Long Phước trên cơ sở nhập toàn bộ xã Bàu Cạn, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 44,35 km² đạt 147,83% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 17.962 người đạt 112,26% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Long Phước, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 37,48 km² đạt 124,93% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 24.491 người đạt 153,07% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Long Phước có diện tích tự nhiên là 81,83 km² (đạt 272,77% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 42.453 người (đạt 265,33% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Thừa Đức (huyện Cẩm Mỹ); xã Cẩm Đường, xã Bình Sơn, xã Long Phước, xã Tân Hiệp, xã Phước Bình (huyện Long Thành); tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Long Phước.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Long Phước, xã Bàu Cạn có diện tích tự nhiên và quy mô dân số đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị khuyến khích sắp xếp).

13. Thành lập xã Bình An trên cơ sở nhập toàn bộ xã Bình An, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 29,10 km² đạt 97,00% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.955 người đạt 62,22% so với tiêu chuẩn) và xã Long

Đức, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 30,31 km² đạt 101,03% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 15.551 người đạt 97,19% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Bình An có diện tích tự nhiên là 59,41 km² (đạt 198,03% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 25.506 người (đạt 159,41% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã An Viễn, xã Trung Hòa, xã Đông Hòa (huyện Trảng Bom); xã Sông Nhạn (huyện Cẩm Mỹ); xã Cẩm Đường, xã Bình Sơn, xã Lộc An, thị trấn Long Thành, xã An Phước (huyện Long Thành).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Long Đức.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Bình An có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

14. Thành lập xã Long Thành trên cơ sở nhập toàn bộ thị trấn Long Thành, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 9,16 km² đạt 30,53% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 38.011 người đạt 237,57% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Lộc An, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 20,27 km² đạt 67,57% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.894 người đạt 93,09% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Long An, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 28,22 km² đạt 94,07% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 20.364 người đạt 127,28% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Bình Sơn, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 72,47 km² đạt 241,57% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 19.737 người đạt 123,36% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Long Thành có diện tích tự nhiên là 130,12 km² (đạt 433,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 93.006 người (đạt 581,29% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã An Phước, xã Long Đức, xã Bình An, Bàu Cạn, xã Long Phước (huyện Long Thành); xã Long Thọ, thị trấn Hiệp Phước, xã Phước Thiện (huyện Nhơn Trạch).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Long Thành.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Lộc An có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; thị trấn Long Thành, xã Long An có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

15. Thành lập xã An Phước trên cơ sở nhập toàn bộ xã Tam An, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 25,83 km² đạt 86,10% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 18.800 người đạt 117,50% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã An Phước, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 32,49 km² đạt 108,30% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 40.866 người đạt 255,41% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã An Phước có diện tích tự nhiên là 58,32 km² (đạt 194,40% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 59.666 người (đạt 372,91% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Long Tân, xã Phước Thiện (huyện Nhơn Trạch); thị trấn Long Thành, xã Long Phước (huyện Long Thành); xã An Viễn (huyện Trảng Bom); phường Tam Phước (thành phố Biên Hòa); thành phố Hồ Chí Minh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã An Phước.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Tam An có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

16. Thành lập xã An Viễn trên cơ sở nhập toàn bộ xã Đồi 61, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 25,79 km² (đạt 85,97% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 14.401 người (đạt 90,01% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã An Viễn, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 21,95 km² (đạt 73,17% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 9.749 người (đạt 60,93% so với tiêu chuẩn)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã An Viễn có diện tích tự nhiên là 47,74 km² (đạt 159,13% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 24.150 người (đạt 150,94% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Tam Phước (thành phố Biên Hòa); xã Giang Điền, xã Quảng Tiến, thị trấn Trảng Bom, xã Sông Trầu, xã Tây Hòa, xã Trung Hòa (huyện Trảng Bom); xã Bình An, xã Long Đức, xã An Phước (huyện Long Thành).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã An Viễn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Đồi 61, xã An Viễn có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

17. Thành lập xã Bình Minh trên cơ sở nhập toàn bộ xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 22,47 km² (đạt 74,90% so với tiêu chuẩn),

quy mô dân số là 57.557 người (đạt 359,73% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Bình Minh, huyện Trảng Bom diện tích tự nhiên là 14,21 km² (đạt 47,37% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 25.797 người (đạt 161,23% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Bình Minh có diện tích tự nhiên là 36,68 km² (đạt 122,27% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 83.354 người (đạt 520,96% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Phước Tân (thành phố Biên Hòa); xã Hố Nai 3, xã Giang Điền, xã Quảng Tiến, thị trấn Trảng Bom, xã Sông Trầu (huyện Trảng Bom); xã Tân An, xã Vĩnh Tân (huyện Vĩnh Cửu).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Bình Minh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Bắc Sơn, xã Bình Minh có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

18. Thành lập xã Trảng Bom trên cơ sở nhập toàn bộ toàn bộ xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 7,04 km² (đạt 23,47% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 19.337 người (đạt 120,86% so với tiêu chuẩn); toàn bộ thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom diện tích tự nhiên là 9,36 km² (đạt 31,20% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 29.226 người (đạt 182,66% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 43,29 km² (đạt 144,30% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 35.300 người (đạt 220,63% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Giang Điền, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 9,08 km² (đạt 30,27% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 8.849 người (đạt 55,31% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 68,77 km² (đạt 229,23% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 92.712 người (đạt 579,45% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Vĩnh Tân (huyện Vĩnh Cửu); phường Phước Tân, phường Tam Phước (thành phố Biên Hòa); xã An Viễn, xã Đồi 61, xã Tây Hòa, xã Sông Thao, xã Cây Gáo (huyện Trảng Bom).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Trảng Bom.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Giang Điền có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Bắc Sơn, xã Quảng Tiến, thị trấn Trảng Bom có

diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

19. Thành lập xã Bàu Hàm trên cơ sở nhập toàn bộ xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 31,14 km² (đạt 103,80% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 16.800 người (đạt 105,00% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 17,37 km² (đạt 57,90% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 12.572 người (đạt 78,58% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Sông Thao, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 26,49 km² (đạt 88,30% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 13.747 người (đạt 85,92% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Bàu Hàm, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 22,50 km² (đạt 75,00% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 12.440 người (đạt 77,75% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Bàu Hàm có diện tích tự nhiên là 97,50 km² (đạt 325,00% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 55.559 người (đạt 347,24% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Vĩnh Tân, thị trấn Vĩnh An, xã Mã Đà (huyện Vĩnh Cửu); xã Phú Cường (huyện Định Quán; xã Gia Tân 1, xã Gia Tân 2, xã Gia Tân 3, xã Gia Kiệm, xã Quang Trung, xã Bàu Hàm 2, xã Hưng Lộc (huyện Thống Nhất); xã Bàu Hàm, xã Hưng Thịnh, xã Trung Hòa, xã Tây Hòa, xã Sông Trầu (huyện Trảng Bom).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Cây Gáo.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Cây Gáo, xã Sông Thao, xã Bàu Hàm có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

20. Thành lập xã Hưng Thịnh trên cơ sở nhập toàn bộ xã Đông Hòa, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 11,36 km² (đạt 37,87% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 14.420 người (đạt 90,13% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 14,44 km² (đạt 48,13% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 18.426 người (đạt 115,16% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 14,92 km² (đạt 49,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 14.285 người (đạt 89,28% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom có diện tích tự nhiên là 16,92 km² (đạt 56,40% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 10.694 người (đạt 66,84% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Hưng Thịnh có diện tích tự nhiên là 57,64 km² (đạt 192,13% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 57.825 người (đạt 361,41% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã An Viễn, xã Đồi 61, xã Sông Trầu, xã Sông Thao (huyện Trảng Bom); xã Hưng Lộc, xã Lộ 25 (huyện Thống Nhất); xã Bình An (huyện Long Thành).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Trung Hòa.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Đông Hòa, xã Trung Hòa, xã Hưng Thịnh có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Tây Hòa có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

21. Thành lập xã Dầu Giây trên cơ sở nhập toàn bộ xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 35,13 km² (đạt 117,07% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 21.333 người (đạt 133,33% so với tiêu chuẩn); toàn bộ thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 14,14 km² đạt 47,13% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 23.281 người đạt 145,51% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 30,12 km² (đạt 100,40% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 12.321 người (đạt 77,01% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Lộ 25, huyện Thống Nhất (có diện tích tự nhiên là 19,49 km² đạt 64,97% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.986 người đạt 93,66% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Dầu Giây có diện tích tự nhiên là 98,87 km² (đạt 329,57% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 71.921 người (đạt 449,51% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Đông Hòa, xã Hưng Thịnh, xã Sông Thao, xã Bàu Hàm (huyện Trảng Bom); xã Quang Trung, xã Xuân Thiện, xã Lộ 25 (huyện Thống Nhất); phường Suối Tre, phường Xuân Lập (thành phố Long Khánh); xã Xuân Quế, xã Sông Nhạn (huyện Cẩm Mỹ); xã Bình An (huyện Long Thành).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Thống Nhất.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Lộ 25 có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; Bàu Hàm 2 có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; thị trấn Dầu Giây có diện tích dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

22. Thành lập xã Gia Kiệm trên cơ sở nhập toàn bộ xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 33,26 km² (đạt 110,87% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 29.334 người (đạt 183,34% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Quang Trung, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 30,47 km² (đạt 101,57% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 23.835 người (đạt 148,97% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 18,99 km² (đạt 63,30% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 26.105 người (đạt 163,16% so với tiêu chuẩn)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Gia Kiệm có diện tích tự nhiên là 82,72 km² (đạt 275,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 79.274 người (đạt 495,46% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Bàu Hàm, xã Thanh Bình (huyện Trảng Bom); xã Gia Tân 2, xã Xuân Thiện, xã Bàu Hàm 2 (huyện Thống Nhất); xã Phú Túc (huyện Định Quán).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Gia Kiệm.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Gia Tân 3 có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

23. Thành lập xã Thống Nhất trên cơ sở nhập toàn bộ xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 21,14 km² (đạt 70,47% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 18.992 người (đạt 118,70% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 14,61 km² (đạt 48,70% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 17.360 người (đạt 108,50% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phú Cường, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 56,35 km² (đạt 187,83% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 18.830 người (đạt 117,69% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Phú Túc, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 27,97 km² (đạt 93,23% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 16.483 người (đạt 103,02% so với tiêu chuẩn)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 120,07 km² (đạt 400,23% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 71.665 người (đạt 447,91% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Thanh Bình (huyện Trảng Bom); xã La Ngà, xã Túc Trưng, xã Suối Nho (huyện Định Quán); xã Xuân Thiện, xã Gia Tân 3, xã Gia Kiệm (huyện Thống Nhất), xã Mã Đà (huyện Vĩnh Cửu).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Gia Tân 1.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Gia Tân 1, xã Gia Tân 2, xã Phú Túc có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

24. Thành lập phường Bình Lộc trên cơ sở nhập toàn bộ xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất có diện tích tự nhiên là 31,19 km² (đạt 103,97% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 12.536 người (đạt 78,35% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh có diện tích tự nhiên là 21,81 km² (đạt 72,70% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 10.441 người (đạt 65,26% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường Suối Tre, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 24,21 km² đạt 440,18% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 13.218 người đạt 62,94% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Bình Lộc có diện tích tự nhiên là 77,21 km² (đạt 1403,82% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 36.195 người (đạt 172,36% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: thị trấn Dầu Giây, xã Bàu Hàm 2, xã Quang Trung, xã Gia Kiệm (huyện Thống Nhất); xã Phú Túc, xã Suối Nho (huyện Định Quán); xã Xuân Bắc (huyện Xuân Lộc); xã Bảo Quang, phường Bảo Vinh, phường Xuân An, phường Xuân Bình, phường Bàu Sen, phường Xuân Lập (thành phố Long Khánh).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Bình Lộc.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Bình Lộc có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Xuân Thiện có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; phường Suối Tre có quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

25. Thành lập phường Bảo Vinh trên cơ sở nhập toàn bộ xã Bảo Quang, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 35,08 km² đạt 116,93% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.560 người đạt 91,00% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 15,77 km² đạt 286,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 22.429 người đạt 106,80% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Bảo Vinh có diện tích tự nhiên là 50,85 km² (đạt 924,55% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 36.989 người (đạt 176,14% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Xuân Bình, phường Suối Tre, xã Bàu Trâm, xã Bình Lộc (thành phố Long Khánh); xã Xuân Bắc, xã Xuân Thọ (huyện Xuân Lộc).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND phường Bảo Vinh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Bảo Quang có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

26. Thành lập phường Xuân Lập trên cơ sở nhập toàn bộ phường Bàu Sen, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 12,94 km² đạt 235,27% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 7.505 người đạt 35,74% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 16,25 km² đạt 295,45% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.442 người đạt 54,49% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Xuân Lập có diện tích tự nhiên là 29,19 km² (đạt 530,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 18.947 người (đạt 90,22% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Bàu Hàm 2, thị trấn Dầu Giây, xã Hưng Lộc (huyện Thống Nhất); xã Xuân Quế (huyện Cẩm Mỹ); xã Hàng Gòn, phường Xuân Tân, phường Phú Bình, phường Xuân Hòa, phường Xuân Bình, phường Suối Tre (thành phố Long Khánh).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND phường Bàu Sen.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Xuân Lập, phường Bàu Sen có quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

27. Thành lập phường Long Khánh trên cơ sở nhập toàn bộ phường Xuân An, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 3,81 km² đạt 69,72% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 41.673 người đạt 198,44% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Xuân Bình, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 1,21 km² đạt 22,00% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.892 người đạt 47,10% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 2,18 km² đạt 39,64% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.650 người đạt 50,71% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Phú Bình, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 2,33 km² đạt 42,36% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 5.761 người đạt 27,43% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 11,79 km² đạt 39,30% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.094 người đạt 56,84% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Long Khánh có diện tích tự nhiên là 21,32 km² (đạt 387,64 so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 77.070 người (đạt 367,00% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Xuân Tân, phường Phú Bình, phường Xuân Bình, phường Bảo Vinh (thành phố Long Khánh); xã Xuân Thọ, xã Xuân Phú, xã Bảo Hòa, xã Xuân Định (huyện Xuân Lộc).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thành phố Long Khánh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Bàu Trâm có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; phường Xuân Bình, phường Xuân Hòa có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn; phường Xuân An có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

28. Thành lập phường Hàng Gòn trên cơ sở nhập toàn bộ xã Hàng Gòn, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 34,98 km² đạt 116,60% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 13.710 người đạt 85,69% so với tiêu chuẩn); toàn bộ phường Xuân Tân, thành phố Long Khánh (có diện tích tự nhiên là 10,62 km² đạt 193,09% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.221 người đạt 53,43% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Hàng Gòn có diện tích tự nhiên là 45,6 km² (đạt 829,09% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 24.931 người (đạt 118,72% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Xuân Lập, phường Bàu Sen, phường Phú Bình (thành phố Long Khánh); xã Xuân Định (huyện Xuân Lộc); xã Nhân Nghĩa, xã Xuân Quế (huyện Cẩm Mỹ).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Hàng Gòn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường Xuân Tân có quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn và xã Hàng Gòn có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

29. Thành lập xã Xuân Quế trên cơ sở nhập toàn bộ xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 47,88 km² đạt 159,60% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.748 người đạt 67,18% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 45,03 km² đạt 150,10% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.441 người đạt 65,26% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Quế có diện tích tự nhiên là 92,91 km² (đạt 309,70% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 21.189 người (đạt 132,43% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Hàng Gòn, phường Xuân Lập (thành phố Long Khánh); xã Hưng Lộc, xã Lộ 25 (huyện Thống Nhất); xã Bình An, xã Cẩm Đường (huyện Long Thành); xã Xuân Đường, xã Xuân Mỹ, thị trấn Long Giao, xã Nhân Nghĩa (huyện Cẩm Mỹ).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Sông Nhạn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Xuân Quế, xã Sông Nhạn có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

30. Thành lập xã Xuân Đường trên cơ sở nhập toàn bộ xã Cẩm Đường, huyện Long Thành (có diện tích tự nhiên là 15,08 km² đạt 50,27% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 8.766 người đạt 54,79% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 29,90 km² đạt 99,67% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.322 người đạt 64,51% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Xuân Đường, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 37,13 km² đạt 123,77% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 7.477 người đạt 46,73% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Đường có diện tích tự nhiên là 82,11 km² (đạt 273,70% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 26.565 người (đạt 166,03% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Xuân Mỹ, thị trấn Long Giao, xã Xuân Quế, xã Sông Nhạn (huyện Cẩm Mỹ); xã Bình An, xã Bình Sơn, xã Bàu Can (huyện Long Thành); tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Thừa Đức.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Thừa Đức, xã Cẩm Đường có diện tích dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Xuân Đường có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

31. Thành lập xã Cẩm Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 16,30 km² đạt 54,33% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 7.679 người đạt 47,99% so với tiêu chuẩn); toàn bộ thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 33,78 km² đạt 112,60% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 8.365 người đạt 52,28% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 27,41 km² đạt 91,37% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 13.658 người đạt 85,36% so với

tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 35,65 km² đạt 118,83% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 16.026 người đạt 100,16% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Cẩm Mỹ có diện tích tự nhiên là 113,14 km² (đạt 377,13% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 45.728 người (đạt 285,80% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Hàng Gòn (thành phố Long Khánh); xã Xuân Đường, xã Xuân Quế, xã Xuân Bảo, xã Xuân Tây, xã Sông Ray (huyện Cẩm Mỹ); tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Nhân Nghĩa, xã Xuân Mỹ có diện tích tự nhiên dưới 100%, quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; thị trấn Long Giao quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

32. Thành lập xã Sông Ray trên cơ sở nhập toàn bộ xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 32,47 km² đạt 108,23% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.675 người đạt 66,72% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 33,13 km² đạt 110,43% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 20.671 người đạt 129,19% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Sông Ray có diện tích tự nhiên là 65,60 km² (đạt 218,67% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 31.346 người (đạt 195,91% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Xuân Đông, xã Xuân Tây, xã Xuân Mỹ (huyện Cẩm Mỹ); tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Sông Ray.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Lâm San có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

33. Thành lập xã Xuân Đông trên cơ sở nhập toàn bộ xã Xuân Tây, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 52,99 km² đạt 176,63% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 23.371 người đạt 146,07% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 49,48 km² đạt 164,93% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 22.748 người đạt 142,18% so với tiêu

chuẩn) và tiếp nhận toàn bộ ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc có diện tích tự nhiên 5,5 km² và quy mô dân số 1.504 người.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Đông có diện tích tự nhiên là 107,97 km² (đạt 359,9% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 47.623 người (đạt 297,64% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Xuân Phú, xã Suối Cát, xã Xuân Hiệp, xã Xuân Tâm (huyện Xuân Lộc); xã Xuân Bảo, xã Bảo Bình, xã Xuân Mỹ, xã Sông Ray (huyện Cẩm Mỹ); tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Xuân Đông.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: không

Ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc có vị trí biệt lập bởi Trường bắn Quốc gia 3 cách trung tâm UBND xã Xuân Tâm khoảng 20 km, và cách trung tâm xã dự kiến thành lập khoảng 30 km. Xét về vị trí liên kề, ấp Bằng Lăng giáp với xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ nên mọi hoạt động sinh hoạt, giao dịch của người dân gắn liền với xã Xuân Đông, kể cả học sinh đi học. Do đó việc đề xuất điều chỉnh toàn bộ ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm về xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ là phù hợp.

34. Thành lập xã Xuân Định trên cơ sở nhập toàn bộ xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ (có diện tích tự nhiên là 21,44 km² đạt 71,47% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.684 người đạt 73,03% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 17,81 km² đạt 59,37% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 15.345 người đạt 95,91% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 13,04 km² đạt 43,47% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.841 người đạt 61,51% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Định có diện tích tự nhiên là 52,29 km² (đạt 174,3% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 36.870 người (đạt 230,44% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Hàng Gòn, phường Xuân Tân, phường Xuân Hòa, xã Bàu Trâm (thành phố Long Khánh); xã Xuân Phú (huyện Xuân Lộc); xã Xuân Tây, xã Bảo Bình, xã Nhân Nghĩa (huyện Cẩm Mỹ).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Xuân Định.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Xuân Bảo, Bảo Hòa, Xuân Định có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

35. Thành lập xã Xuân Phú trên cơ sở nhập toàn bộ xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 38,60 km² đạt 128,67% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 19.616 người đạt 122,60% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Lang Minh, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 17,03 km² đạt 56,77% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.992 người đạt 62,45% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Phú có diện tích tự nhiên là 55,63 km² (đạt 185,43% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 29.608 người (đạt 185,05% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Bà Trâm (thành phố Long Khánh); xã Xuân Phú (huyện Xuân Lộc); xã Xuân Tây, xã Xuân Đông (huyện Cẩm Mỹ); xã Xuân Thọ, xã Suối Cát, xã Xuân Hiệp, xã Xuân Tâm (huyện Xuân Lộc).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Xuân Phú.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Lang Minh có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

36. Thành lập xã Xuân Lộc trên cơ sở nhập xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 37,54 km² đạt 125,13% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 24.228 người đạt 151,43% so với tiêu chuẩn); xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 47,23 km² đạt 157,43% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 21.686 người đạt 135,54% so với tiêu chuẩn); toàn bộ thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 13,95 km² đạt 46,50% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 23.093 người đạt 144,33% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 17,14 km² đạt 57,13% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 15.185 người đạt 94,91% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 24,64 km² đạt 82,13% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 20.112 người đạt 125,70% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Lộc có diện tích tự nhiên là 140,50 km² (đạt 468,33% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 104.304 người (đạt 651,90% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Xuân Phú, xã Lang Minh, xã Xuân Tâm, xã Xuân Thành, xã Suối Cao, xã Xuân Bắc (huyện Xuân Lộc); xã Bảo Quang, phường Bảo Vinh (thành phố Long Khánh).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Xuân Lộc.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Suối Cát có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; thị trấn Gia Ray, xã Xuân Hiệp có diện tích tự nhiên dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

37. Thành lập xã Xuân Hòa trên cơ sở nhập toàn bộ xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 87,07 km² đạt 290,23% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 15.426 người đạt 96,41% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 104,27 km² đạt 347,57% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 31.872 người đạt 199,20% so với tiêu chuẩn) và điều chỉnh toàn bộ ấp Bằng Lăng, xã Xuân Tâm (có diện tích tự nhiên là 5,50 km², quy mô dân số là 1.504 người) về xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ; xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc sau điều chỉnh (có diện tích tự nhiên là 114,62 km² đạt 382,06% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 31.193 người đạt 194,95% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Hòa có diện tích tự nhiên là 305,96 km² (đạt 1019,87% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 78.491 người (đạt 490,57% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Xuân Thành, xã Xuân Trường, thị trấn Gia Ray, xã Xuân Hiệp, xã Lang Minh (huyện Xuân Lộc); xã Xuân Đông (huyện Cẩm Mỹ); tỉnh Bình Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Xuân Hưng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Xuân Hòa có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

38. Thành lập xã Xuân Thành trên cơ sở nhập toàn bộ xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 68,70 km² đạt 229,00% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.467 người đạt 71,67% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 54,01 km² đạt 180,03% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.540 người đạt 65,88% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Thành có diện tích tự nhiên là 122,71 km² (đạt 409,03% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 22.007 người (đạt 137,54% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Xuân Hòa, xã Xuân Hưng, xã Xuân Tâm, xã Xuân Trường, xã Xuân Thọ, xã Xuân Bắc (huyện Xuân Lộc); xã Gia Canh (huyện Định Quán); tỉnh Bình Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Xuân Thành.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Xuân Thành có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

39. Thành lập xã Xuân Bắc trên cơ sở nhập toàn bộ xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc (có diện tích tự nhiên là 63,17 km² đạt 210,57% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 24.005 người đạt 150,03% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Suối Nho, huyện Định Quán (có diện tích tự nhiên là 33,27 km² đạt 110,90% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 20.861 người đạt 130,38% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Xuân Bắc có diện tích tự nhiên là 96,44 km² (đạt 321,47% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 44.866 người (đạt 280,41% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Suối Cao, xã Xuân Thọ (huyện Xuân Lộc); xã Bảo Quang, xã Bình Lộc (thành phố Long Khánh); xã Xuân Thiện (huyện Thống Nhất); xã Phú Túc, xã Túc Trung, xã Phú Ngọc (huyện Định Quán);.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Xuân Bắc.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Xuân Bắc, xã Suối Nho đảm bảo về tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số (đơn vị khuyến khích sắp xếp).

40. Thành lập xã La Ngà trên cơ sở nhập toàn bộ xã Túc Trung, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 51,42 km² (đạt 171,40% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 13.453 người (đạt 84,08% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã La Ngà, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 82,03 km² (đạt 273,43% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 19.858 người (đạt 124,11% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã La Ngà có diện tích tự nhiên là 133,45 km² (đạt 444,83% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 33.311 người (đạt 208,19% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Mã Đà (huyện Vĩnh Cửu); xã Thanh Sơn, xã Ngọc Định, xã Phú Ngọc, xã Suối Nho, xã Phú Túc, xã Phú Cường (huyện Định Quán).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã La Ngà.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Túc Trung có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

41. Thành lập xã Định Quán trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Ngọc, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 70,15 km² (đạt 233,83% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 22.783 người (đạt 142,39% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Gia Canh, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 171,98 km² (đạt 573,27% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 23.762 người (đạt 148,51% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ thị trấn Định Quán, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 10,04 km² (đạt 33,47% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 27.942 người (đạt 174,64% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Ngọc Định, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 43,65 km² (đạt 145,50% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 11.036 người (đạt 68,98% so với tiêu chuẩn)

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Định Quán có diện tích tự nhiên là 295,82 km² (đạt 986,07% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 85.523 người (đạt 534,52% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Suối Cao, xã Xuân Bắc (huyện Xuân Lộc); xã Suối Nho, xã Túc Trung, xã La Ngà, xã Thanh Sơn, xã Phú Vinh, xã Phú Lợi, xã Phú Hòa (huyện Định Quán); xã Phú Điền (huyện Tân Phú); tỉnh Bình Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Định Quán.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Thị trấn Định Quán có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

42. Thành lập xã Phú Vinh trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Tân, huyện Định Quán (có diện tích tự nhiên là 44,93 km² đạt 149,77% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 12.195 người đạt 76,22% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phú Vinh, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên là 24,52 km² (đạt 81,73% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 19.133 người (đạt 119,58% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phú Vinh có diện tích tự nhiên là 69,45 km² (đạt 231,50% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 31.328 người (đạt 195,80% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Phú Lợi, thị trấn Định Quán, xã Ngọc Định, xã Thanh Sơn (huyện Định Quán); xã Phú Thịnh, xã Phú Lộc, thị trấn Tân Phú (huyện Tân Phú).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Phú Vinh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Phú Tân có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Phú Vinh, xã Phú Lợi có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

43. Thành lập xã Phú Hòa trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Lợi, huyện Định Quán (có diện tích tự nhiên là 25,55 km² đạt 85,17% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 18.252 người đạt 114,08% so với tiêu chuẩn); xã Phú Hòa, huyện Định Quán (có diện tích tự nhiên là 15,62 km² đạt 52,07% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 7.995 người đạt 49,97% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Phú Điền, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 20,36 km² đạt 67,87% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.534 người đạt 65,84% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phú Hòa có diện tích tự nhiên là 61,53 km² (đạt 205,10% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 36.781 người (đạt 229,88% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Phú Lợi, thị trấn Định Quán, xã Ngọc Định, xã Thanh Sơn (huyện Định Quán); xã Phú Thịnh, xã Phú Lộc, thị trấn Tân Phú (huyện Tân Phú).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Phú Hòa.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Phú Hòa, xã Phú Điền có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn.

44. Thành lập xã Tà Lài trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 26,69 km² đạt 88,97% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 11.922 người đạt 74,51% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phú Lập, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 30,21 km² đạt 100,70% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 12.510 người đạt 78,19% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Tà Lài, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 27,10 km² đạt 90,33% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.726 người đạt 60,79% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tà Lài có diện tích tự nhiên là 84,00 km² (đạt 280,00% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 34.158 người (đạt 213,49% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Đak Lua, xã Nam Cát Tiên, xã Phú An, xã Phú Xuân, xã Phú Lộc (huyện Tân Phú); xã Phú Tân, xã Thanh Sơn (huyện Định Quán).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Phú Lập.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Phú Thịnh, xã Tà Lài có diện tích tự nhiên dưới 100% và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Phú Lập có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

45. Thành lập xã Nam Cát Tiên trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú An, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 52,35 km² đạt 174,50% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 5.513 người đạt 34,46% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 29,92 km² đạt 99,73% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 10.409 người đạt 65,06% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Nam Cát Tiên có diện tích tự nhiên là 82,27 km² (đạt 274,23% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 15.922 người (đạt 99,51% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phú Bình, xã Thanh Sơn, xã Phú Xuân, xã Phú Lập, xã Tà Lài, Đak Lua (huyện Tân Phú); tỉnh Lâm Đồng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Nam Cát Tiên.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Phú An có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Nam Cát Tiên có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

46. Thành lập xã Tân Phú trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Lộc, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 30,87 km² đạt 102,90% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.894 người đạt 61,84% so với tiêu chuẩn); toàn bộ thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 8,10 km² đạt 27,00% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 24.852 người đạt 155,33% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Trà Cỏ, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 17,12 km² đạt 57,07% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 9.191 người đạt 57,44% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phú Thanh, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 28,15 km² đạt 93,83% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 17.299 người đạt 108,12% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Phú Xuân, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 21,57 km² đạt 71,90% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 15.529 người đạt 97,06% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân Phú có diện tích tự nhiên là 105,81 km² (đạt 352,70% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 76.765 người (đạt 479,78% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kê: xã Phú Hòa, xã Phú Lợi, xã Phú Tân (huyện Định Quán); xã Phú Thịnh, xã Phú Lập, xã Phú An, xã Thanh Sơn, xã Phú Lâm, xã Phú Thanh, Phú Điền (huyện Tân Phú); tỉnh Bình Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Tân Phú.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Trà Cổ, xã Phú Thịnh, xã Phú Xuân có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; thị trấn Tân Phú, xã Phú Thanh có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn; xã Phú Lộc có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

47. Thành lập xã Phú Lâm trên cơ sở nhập toàn bộ xã Phú Lâm, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 6,26 km² đạt 20,87% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 17.464 người đạt 109,15% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Thanh Sơn, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 15,45 km² đạt 51,50% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 8.118 người đạt 50,74% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Phú Bình, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 15,81 km² đạt 52,70% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 14.783 người đạt 92,39% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Phú Sơn, huyện Tân Phú (có diện tích tự nhiên là 29,83 km² đạt 99,43% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số là 21.990 người đạt 137,44% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phú Lâm có diện tích tự nhiên là 67,35 km² (đạt 224,50% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 62.355 người (đạt 389,72% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kê: xã Phú Thanh, xã Phú Xuân, xã Phú An (huyện Tân Phú); tỉnh Lâm Đồng; tỉnh Bình Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Phú Bình.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Thanh Sơn, xã Phú Bình có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn; xã Phú Sơn, xã Phú Lâm có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

48. Thành lập xã Trị An trên cơ sở nhập toàn bộ xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 401,08 km² (đạt 1336,93% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 8.883 người (đạt 55,52% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 227,98 km² (đạt 759,93% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 10.219 người (đạt 63,87% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 31,40 km² (đạt

104,67% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 31.926 người (đạt 199,54% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trị An có diện tích tự nhiên là 660,46 km² (đạt 2201,53% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 51.028 người (đạt 318,93% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Tân An, xã Vĩnh Tân, xã Phú Lý (huyện Vĩnh Cửu); xã Cây Gáo, xã Thanh Bình (huyện Trảng Bom); xã Phú Cường, xã La Ngà, xã Thanh Sơn (huyện Định Quán) và tỉnh Bình Phước.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Vĩnh Cửu.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Mã Đà, xã Trị An có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

49. Thành lập xã Tân An trên cơ sở nhập toàn bộ xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 27,58 km² (đạt 91,93% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 27.983 người (đạt 174,89% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 52,66 km² (đạt 175,53% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 11.308 người (đạt 70,68% so với tiêu chuẩn).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân An có diện tích tự nhiên là 80,24 km² (đạt 267,47% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 39.291 người (đạt 245,57% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Hố Nai 3, xã Bắc Sơn, Sông Trầu, xã Cây Gáo (huyện Trảng Bom); xã Thiện Tân, xã Trị An, thị trấn Vĩnh An (huyện Vĩnh Cửu) và tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Tân An

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Vĩnh Tân có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn; xã Tân An có quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

50. Thành lập phường Tân Triều trên cơ sở nhập toàn bộ phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa có diện tích 16,72 km² (đạt 304,00% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 52.011 người (đạt 247,67% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 17,81 km² (đạt 59,37% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 21.143 người (đạt 132,14% so với tiêu chuẩn); toàn bộ xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 15,26 km² (đạt 50,87% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 8.594 người (đạt

53,71% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên là 13,54 km² (đạt 45,13% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 19.860 người (đạt 124,13% so với tiêu chuẩn) .

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Tân Triều có diện tích tự nhiên là 63,33 km² (đạt 1151,45 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số là 101.608 người (đạt 483,85% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Bửu Long, phường Quang Vinh, phường Trung Dũng, phường Tân Mai, phường Tân Hiệp, phường Trảng Dài (thành phố Biên Hòa); xã Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu) và tỉnh Bình Dương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: UBND xã Thanh Phú

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Xã Tân Bình, xã Thanh Phú có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn; xã Bình Lợi có diện tích tự nhiên dưới 100% tiêu chuẩn và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn theo quy định (đơn vị thực hiện sắp xếp).

51. Thành lập xã Đak Lua có diện tích tự nhiên 415,13 km², đạt 1.383,77%; quy mô dân số 8.234 người, đạt 51,46% tiêu chuẩn quy định (dự kiến sáp nhập xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước).

Đối với trường hợp 02 xã có vị trí biệt lập đề xuất giữ nguyên (không sắp xếp), gồm: xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu có diện tích tự nhiên 279,00 km², đạt 930,00%; quy mô dân số 15.992 người, đạt 99,95% và **xã Thanh Sơn**, huyện Định Quán có diện tích tự nhiên 315,40 km², đạt 1051,33%; quy mô dân số 33.342 người, đạt 208,39%; đây là những xã này có diện tích rộng lớn chủ yếu là đất rừng, nằm biệt lập với các đơn vị hành chính liên kề có vị trí tiếp giáp với đơn vị hành chính thuộc tỉnh khác; hệ thống giao thông có khoảng cách xa với trung tâm hành chính khác liên kề.

Đồng thời, giữ nguyên 02 phường (không sắp xếp): Phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa có diện tích tự nhiên 42,823 km², đạt 778,73%; quy mô dân số 64.181 người, đạt 305,62% và **phường Tam Phước**, thành phố Biên Hòa có diện tích tự nhiên 45,09 km², đạt 819,82%; quy mô dân số 48.313 người, đạt 230,06% tiêu chuẩn theo quy định.

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

Trước khi sắp xếp, tỉnh Đồng Nai có 159 ĐVHC cấp xã (gồm 33 phường, 09 thị trấn và 117 xã). Sau khi sắp xếp, tỉnh Đồng Nai còn 55 ĐVHC cấp xã

(gồm 15 phường, 40 xã); giảm 104 ĐVHC cấp xã (gồm 18 phường, 09 thị trấn, 77 xã).

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

Đơn vị hành chính cấp xã gồm: Đảng, Mặt trận – đoàn thể và chính quyền (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân), cụ thể:

1.1. Khối đảng: 20 biên chế

- Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND;
- Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy
- Văn phòng Đảng ủy: 05 biên chế (Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng, 03 chuyên viên)
- Ban Xây dựng Đảng: 08 biên chế (Trưởng ban, 02 Phó Trưởng ban, 05 chuyên viên)
- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy: 05 biên chế (Chủ nhiệm, 01 Phó Chủ nhiệm, 03 chuyên viên).

1.2. Khối đoàn thể: từ 10 đến 12 biên chế

- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã: 04 biên chế (01 Phó Chủ tịch phụ trách thanh niên; 01 Phó Chủ tịch phụ trách Nông dân, 01 Phó Chủ tịch phụ trách Phụ nữ, 01 Phó Chủ tịch phụ trách Cựu chiến binh và các lĩnh vực khác)
- Văn phòng cơ quan UBMTTQVN xã: từ 05 đến 07 biên chế (Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, 05 chuyên viên)

1.3. Khối chính quyền: 32 biên chế

1.3.1. Hội đồng nhân dân: 03 biên chế

- Phó Chủ tịch HĐND
- Các ban thuộc HĐND: 02 ban (Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Xã hội); trong đó Trưởng ban bố trí kiêm nhiệm, 02 Phó Trưởng ban bố trí chuyên trách và chuyên viên giúp việc: 02 biên chế

1.3.2. Ủy ban nhân dân: 03 biên chế

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân

- Phó Chủ tịch UBND: 02 biên chế (01 Phó Chủ tịch UBND kiêm Chánh Văn phòng HĐND và UBND; 01 Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công). Đối với ĐVHC cấp xã giữ nguyên (không sắp xếp) và không tổ chức các phòng chuyên môn thuộc UBND có thể bố trí tăng thêm 01 Phó Chủ tịch UBND.

1.3.3. Các phòng chuyên môn thuộc UBND: 04 phòng (26 biên chế bố trí cho 04 phòng chuyên môn); bố trí 01 cấp trưởng, 01 cấp phó.

a) Văn phòng HĐND và UBND

- Tham mưu giúp HĐND, UBND cấp xã về: Chương trình, kế hoạch công tác của HĐND, Thường trực HĐND, UBND và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND; tham mưu hoạt động của Thường trực HĐND; công tác chỉ đạo điều hành của Chủ tịch UBND; cung cấp thông tin, đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của HĐND, UBND và các cơ quan nhà nước ở cấp xã; thực hiện công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.

- Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải, trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Phòng Kinh tế đối với xã hoặc Phòng Kinh tế, hạ tầng đối với phường

- Lĩnh vực Tài chính – Kế hoạch: Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tài chính, kế hoạch và đầu tư; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, kinh tế hợp tác; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- Lĩnh vực xây dựng và công thương: Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: Cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại.

- Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường: Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển

nông thôn; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn.

c) Phòng Văn hóa – Xã hội

- Lĩnh vực Nội vụ: Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; hội, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới; công tác tín ngưỡng, tôn giáo.

- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở); giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

- Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin: Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; quảng cáo; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); phát thanh truyền hình; báo chí; xuất bản; thông tin nội bộ; hạ tầng thông tin; khoa học và công nghệ; kinh tế số và chuyển đổi số.

- Lĩnh vực Y tế: Tham mưu giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy).

d) Trung tâm phục vụ hành chính công: Tham mưu giúp UBND cấp xã về cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và cung ứng các dịch vụ công trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, diện tích tự nhiên, quy mô dân số quyết định điều chỉnh cơ cấu tổ chức, giao biên chế cho cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, chính quyền cho phù hợp với tình hình thực tế.

Đối với ĐVHC cấp xã giữ nguyên (không sắp xếp), UBND tỉnh căn cứ vào điều kiện thực tế để xem xét quyết định số lượng cơ quan chuyên môn thuộc

UBND cho phù hợp hoặc không tổ chức các phòng chuyên môn theo hướng dẫn chung (trừ các Ban của HĐND hiện có) mà phân công công chức chuyên môn trực tiếp đảm nhiệm các vị trí việc làm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương cấp xã mới. Trường hợp không tổ chức các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã, UBND cấp tỉnh quyết định tăng biên chế so với số lượng biên chế cán bộ, công chức cấp xã hiện nay để thực hiện các nhiệm vụ mới chuyển giao từ cấp huyện. Dự kiến số lượng biên chế không quá 40 cán bộ, công chức, trong đó tập trung cho công chức trực tiếp đảm nhiệm các lĩnh vực công tác xây dựng Đảng, công tác Mặt trận Tô quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, công tác chính quyền.

- Tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự ở ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

1.4. Ấp, khu phố

Giữ nguyên số lượng ấp, khu phố hiện có trên địa bàn tỉnh cho đến khu Trung ương có quy định mới. Mỗi ấp, khu phố có 03 chức danh: Bí thư ấp, khu phố; Trưởng ấp, khu phố; Trưởng ban Công tác Mặt trận ấp, khu phố.

1.5. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, và ấp, khu phố hiện nay

- Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện nay kể từ ngày **01/8/2025**. Giao chính quyền địa phương xem xét, có thể sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại ấp, khu phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bố trí công tác theo quy định.

- Tiếp tục xác định ấp, khu phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là cấp hành chính. Trước mắt giữ nguyên các ấp, khu phố hiện có; sau khi có hướng dẫn theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về việc sắp xếp, tổ chức lại ấp, khu phố theo hướng tinh gọn, phục vụ trực tiếp đời sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn.

1.6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- *Đối với lĩnh vực giáo dục:* Giữ nguyên các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập và chuyển giao cho chính quyền địa phương cấp xã quản lý. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc UBND cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý và tổ chức lại để thực hiện cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- *Đối với lĩnh vực y tế:* Duy trì các Trạm Y tế xã, phường hiện có để đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Căn cứ vào diện tích, quy mô dân số của ĐVHC cấp xã mới, UBND cấp tỉnh có thể tổ chức lại thành 01

đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để thực hiện nhiệm vụ về phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn. Đối với các trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa thuộc UBND cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Y tế quản lý để sắp xếp, tổ chức cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- Sắp xếp, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn (cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường,...).

- Sắp xếp, tổ chức lại Ban Quản lý dự án và Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện thành chi nhánh khu vực trực thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh và Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; đồng thời, chấm dứt hoạt động của Trung tâm Dịch vụ công ích cấp huyện hiện có, chuyển một số chức năng, nhiệm vụ về xã, chức năng quản lý cụm công nghiệp về Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau sắp xếp ĐVHC

- Căn cứ vào điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện và cán bộ, công chức của cấp xã hiện nay, Ban Thường vụ, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức ở cấp xã mới theo phân cấp quản lý.

- Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cấp xã khi được bố trí vào các chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý tại ĐVHC cấp xã mới tiếp tục giữ phụ cấp chức vụ lãnh đạo hiện hưởng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày có quyết định; sau đó thực hiện theo quy định mới của Chính phủ. Trường hợp công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại ĐVHC cấp xã mới thì tạm thời chưa áp dụng mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo và sẽ thực hiện khi có quy định của Chính phủ về hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý đó.

Tỉnh Đồng Nai hiện có 3.438 cán bộ, công chức cấp xã¹; trong đó cán bộ là 1.679 và công chức là 1.759. Đối với cán bộ, công chức cấp huyện là 2.007 người; trong đó khối đảng, Mặt trận, đoàn thể là 609 người và khối chính quyền là 1.398 người². Như vậy, tổng số cán bộ, công chức cấp xã, cấp huyện là 5.445 người.

¹ trong đó: dưới 02 năm công tác là 105 người, từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm công tác là 141 người, từ trên 05 năm đến đủ 10 năm công tác là 298 người và từ trên 10 năm công tác trở lên là 2.894 người

² trong đó: dưới 02 năm công tác là 23 người, từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm công tác là 48 người, từ trên 05 năm đến đủ 10 năm công tác là 98 người và từ trên 10 năm công tác trở lên là 1.229 người

Theo phương án còn lại 52 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 14 phường, 38 xã); mỗi xã, phường được bố trí 64 biên chế thì tỉnh Đồng Nai được bố trí 3.328 cán bộ, công chức cấp xã so với số lượng cán bộ công chức cấp xã, cấp huyện hiện có là 5.445 người; xử lý dôi dư là 2.117 người (trong đó: dưới 02 năm công tác là 128 người, từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm công tác là 189 người).

Kết thúc hoạt động, không sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã; xem xét bố trí 2.191 người hoạt động không chuyên trách cấp xã; đồng thời xem xét nguyện vọng, tiêu chuẩn, điều kiện để bố trí công tác vào 03 chức danh ở ấp, khu phố. Đồng thời, rà soát, đánh giá chất lượng nguồn nhân lực ở ấp, khu phố để sắp xếp lại cho phù hợp.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp đơn vị hành chính

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thuộc phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ. Chậm nhất sau 05 năm kể từ ngày Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có hiệu lực thi hành, số lượng cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo số lượng theo quy định của Chính phủ.

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khu phố không tiếp tục bố trí và giải quyết chế độ chính sách theo quy định của Trung ương (Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ), quy định của tỉnh (Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Căn cứ phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, dự kiến phương án xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương thuộc phạm vi quản lý (*phụ lục kèm theo đề án*).

2. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, đơn vị tại đơn vị hành chính sau sắp xếp.

3. Việc bố trí, sử dụng trụ sở, tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

4. Chủ động rà soát cơ sở vật chất trụ sở của các xã, phường sau sắp xếp và cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phù hợp với quy hoạch và tình hình thực tế của địa phương.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thường trực Hội đồng tỉnh: Hỗ trợ hướng dẫn việc bố trí số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân, tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân đối với đơn vị hành chính cấp xã có liên quan theo quy định.

2. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy hỗ trợ hướng dẫn các nội dung sau:

a) Hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thuộc đơn vị hành chính cấp xã liên quan;

b) Hướng dẫn việc sắp xếp, bố trí cán bộ; phương án giải quyết cán bộ dôi dư thuộc khối Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã tại các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp.

c) Hướng dẫn thực hiện các thủ tục chuyển giao các tổ chức cơ sở đảng và chuyển sinh hoạt đảng tập thể cho đảng viên theo hướng dẫn của Trung ương.

3. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

a) Hướng dẫn sắp xếp tổ chức bộ máy đối với khối Mặt trận, đoàn thể cấp xã và các tổ chức Hội, đoàn thể do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thủ tục, quy trình sắp xếp, chuyển giao và bầu các chức danh lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tổ chức chính trị - xã hội theo điều lệ của mỗi tổ chức thuộc các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp.

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã.

d) Hướng dẫn, giám sát việc tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã.

5. Sở Nội vụ:

a) Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, tổng hợp, xử lý các vấn đề liên quan đến sắp xếp đơn vị hành chính; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan kịp thời hướng dẫn, giải đáp nhằm tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn của các địa phương trong quá trình thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và chủ động xin ý kiến Bộ Nội vụ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 27/3/2025 của UBND tỉnh đảm bảo thời gian, tiến độ đề ra.

c) Chủ trì, phối hợp UBND cấp huyện xây dựng Đề án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; hoàn thiện hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh.

d) Hoàn chỉnh hồ sơ, Đề án trình Bộ Nội vụ, Chính phủ theo quy định.

đ) Tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

e) Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy đề xuất cơ cấu sắp xếp cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã sau khi đơn vị hành chính mới thành lập; đồng thời thẩm định hồ sơ giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

g) Tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn tiêu chuẩn, chức danh, ngạch và chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã sau sắp xếp và lộ trình giải quyết đời dư theo quy định.

h) Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất xử lý tài sản đời dư sau sắp xếp; Sở Xây dựng phân loại, quy hoạch đô thị và các đơn vị khác có liên quan quản lý, sử dụng viên chức ở lĩnh vực giáo dục, y tế và các lĩnh vực sự nghiệp công lập khác.

i) Chủ trì hướng dẫn, rà soát, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp, phân loại đơn vị hành chính; lập hồ sơ đề nghị công nhận đơn vị hành chính cấp xã là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng lao động tại các đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp.

k) Hướng dẫn việc rà soát, điều chỉnh các chính sách thuộc lĩnh vực lao động - xã hội và chính sách đối với người có công tại đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp.

6. Sở Tư pháp

a) Phối hợp tổ chức triển khai Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa

đổi, bổ sung (trong đó không tổ chức cấp huyện).

b) Rà soát đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật khi tổ chức thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp.

c) Tham mưu thẩm định hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

7. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn rà soát quy hoạch đô thị, đánh giá phân loại đô thị các ĐVHC sau sắp xếp.

b) Hướng dẫn rà soát, đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng khu vực đô thị, khu vực nông thôn; phối hợp với các cơ quan có liên quan đánh giá, tích hợp liên thông dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, ... và các lĩnh vực khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Xây dựng.

8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn việc chỉnh lý hồ sơ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; cơ sở dữ liệu về đất đai; quản lý, cung cấp diện tích tự nhiên các ĐVHC trước và sau sắp xếp.

b) Phối hợp lập bộ hồ sơ bản đồ địa giới hành chính, cắm mốc sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

c) Rà soát, đề xuất các Chương trình mục tiêu Quốc gia có liên quan đến nông thôn mới, giảm nghèo, ... đối với ĐVHC sau sắp xếp phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, thực hiện lĩnh vực khác có liên quan đến nhiệm vụ quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

9. Sở Tài chính

a) Tham mưu UBND tỉnh về thực hiện nguồn vốn đầu tư công và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công từng giai đoạn; Rà soát đề xuất các dự án đang triển khai trên địa bàn cấp huyện sau khi tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Tham mưu, đề xuất, hướng dẫn việc lập dự toán, định mức chi; quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí, việc miễn phí, lệ phí khi thực hiện chuyển đổi giấy tờ có liên quan đến cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; xử lý trụ sở làm việc tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức ở ĐVHC sau sắp xếp.

c) Đề xuất, hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí cho các địa phương sau sắp xếp theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tập trung thông tin,

tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về chủ trương sắp xếp tinh gọn đơn vị hành chính cấp xã.

b) Phối hợp chỉ đạo các cơ quan báo chí chủ động phối hợp với các địa phương thường xuyên thông tin về kết quả đạt được; những kinh nghiệm hay, cách làm tốt; những việc chưa làm được, nguyên nhân; giải pháp khắc phục và những bài học kinh nghiệm quý trong việc triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

c) Tuyên truyền và phối hợp tổ chức lễ công bố Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

d) Chủ trì, hướng dẫn xác định đơn vị hành chính có đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán riêng biệt.

e) Hướng dẫn việc rà soát, quản lý các di tích được công nhận, xếp hạng là di sản văn hóa hoặc di tích lịch sử quốc gia đặc biệt sau sắp xếp đơn vị hành chính.

11. Sở Y tế

Hướng dẫn việc sắp xếp các Trung tâm y tế cấp huyện, Trạm Y tế cấp xã theo quy định.

13. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo rà soát, đề xuất việc sắp xếp hợp lý các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn các xã, phường sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh và một số nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

14. Công an tỉnh

a) Cung cấp danh sách các đơn vị hành chính có vị trí trọng yếu về an ninh, trật tự; tham mưu, thực hiện rà soát, xác định đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp có vị trí trọng yếu về an ninh, trật tự trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Hướng dẫn, thực hiện thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp; hướng dẫn việc chuyển đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp.

c) Đảm bảo an ninh trật tự trước, trong và sau khi sắp xếp ĐVHC.

d) Phối hợp sắp xếp Công an cấp xã đối với đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp.

15. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Sắp xếp Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện sau khi kết thúc ĐVHC cấp huyện và xây dựng mô hình Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã theo quy định của Bộ Quốc phòng.

16. Ban Quản lý đầu tư xây dựng tỉnh

Tiếp nhận và tham mưu Đề án sắp xếp Ban Quản lý dự án cấp huyện thành các chi nhánh quản lý khu vực.

17. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

Tiếp nhận và tham mưu Đề án sắp xếp Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện thành các chi nhánh quản lý khu vực.

18. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Phối hợp Sở Nội vụ xin ý kiến Đảng ủy UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy các nội dung có liên quan đến địa giới hành chính.

b) Phối hợp tham mưu chuẩn bị về cơ sở vật chất tổ chức các cuộc họp, Hội nghị về công tác sắp xếp ĐVHC.

19. Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai tổ chức tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về chủ trương sắp xếp tinh gọn đơn vị hành chính cấp xã.

20. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp ĐVHC cấp xã, phương án và Đề án sắp xếp đơn vị hành chính tại địa phương.

b) Tham mưu Ban Thường vụ cấp ủy và Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC cấp huyện phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã được tiếp tục công tác tại ĐVHC sau sắp xếp; thống kê đề nghị giải quyết chính sách theo nguyện vọng.

c) Đề xuất bố trí trụ sở làm việc; tài sản dôi dư theo hướng dẫn của cấp trên.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025 phù hợp với yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy, tăng quy mô đơn vị hành chính; góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của tổ chức chính trị, quản lý chính quyền cơ sở; cơ cấu và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phát huy tiềm năng, nội lực, hiệu quả đầu

tư kinh tế - xã hội; phù hợp với nhiệm vụ, định hướng, chương trình phát triển của tỉnh Đồng Nai. Bên cạnh đó, việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã tạo điều kiện tập trung được các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian để quy hoạch, tập trung đầu tư mở rộng sản xuất theo hướng hiện đại, phát huy có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên, khoáng sản để phát triển; tránh đầu tư xây dựng dàn trải trong khi nhu cầu sử dụng còn hạn chế.

- Việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm cụ thể hóa chủ trương tiếp tục đổi mới theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã nhằm giảm số lượng đơn vị hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII); Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025.

- Việc sắp xếp tinh giản bộ máy, biên chế là vấn đề khó khăn, phức tạp và nhạy cảm liên quan trực tiếp đến hoạt động của các tổ chức và quyền lợi của cán bộ, công chức,... Vì vậy, để thực hiện hiệu quả Đề án, đòi hỏi các ngành, các cấp phải có quyết tâm chính trị cao, quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục; phải xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện.

- Việc sắp xếp, sáp nhập cùng lúc nhiều ĐVHC cấp xã có thể gây ra xáo trộn, tác động phần nào đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội của tỉnh, ít nhiều gây tâm tư và tâm lý lo lắng trong một bộ phận Nhân dân; do đó, phải tăng cường công tác tuyên truyền, chỉ đạo các sở, ban, ngành tích cực phối hợp, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp được kịp thời để tổ chức bộ máy đơn vị hành chính mới thành lập đi vào hoạt động thông suốt, hiệu quả đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

- Sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã dẫn đến số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư rất lớn, gây khó khăn cho công tác bố trí cán bộ, đòi hỏi nguồn lực ngân sách rất lớn để giải quyết chính sách, chế độ cho những người dôi dư và trường hợp không tiếp tục bố trí (người hoạt động không chuyên trách cấp xã) .

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**